

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thời gian tổ chức : 13h30 Thứ Ba, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Địa điểm : Hội trường Khách sạn Đồng Nai, Số 57 đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Thời gian	Nội dung
13h30 - 14h00	Đón tiếp Đại biểu và Kiểm tra tư cách cổ đông.
14h00 - 14h10	Chào cờ, tuyên bố lý do và khai mạc Đại hội.
14h10 - 14h20	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và tính hợp lệ của Đại hội.
14h20 - 14h40	Giới thiệu và thông qua (1) Chương trình Đại hội; (2) Quy chế tổ chức Đại hội; (3) Thành phần Đoàn Chủ tịch; (4) Ban Thư ký Đại hội; (5) Ban kiểm phiếu.
14h40 - 14h50	Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.
14h50 - 15h00	Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban điều hành Công ty.
15h00 - 15h05	Nội dung 3: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.
15h05 - 15h10	Nội dung 4: Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2024.
15h10 - 15h15	Nội dung 5: Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024.
15h15 - 15h25	Nội dung 6: Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2024
15h25 - 15h30	Nội dung 7: Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2024.
15h30 - 15h40	Nội dung 8: Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024-2029
15h40 - 15h45	Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS và Quy chế bầu cử.
15h45 - 16h15	- Đại hội tiến hành thảo luận.
16h15 - 16h50	- Hướng dẫn cổ đông tiến hành biểu quyết, bầu cử. - Thu phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, thực hiện kiểm phiếu. - Nghỉ giải lao.
16h50 - 17h10	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các nội dung và kết quả bầu cử. - Ra mắt thành viên HĐQT, thành viên BKS.
17h10 - 17h25	Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
17h25 - 17h30	Bế mạc Đại hội.

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (Công ty).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 21/03/2024 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- CMND, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội);
- Thông báo mời họp.

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (ghi mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử mà cổ đông đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc được ủy quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- b. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
- d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- e. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết, bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết, bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 5.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) là Chủ tọa cuộc họp.
- 5.2. Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại Đại hội, có nhiệm vụ:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐHCĐ do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm

tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 21/03/2024; Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- 7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 7.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
 - b. Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
 - c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung;
 - d. Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 21/03/2024.

Điều 10: Trật tự của Đại hội

- 10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- 10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.
- 10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- 10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT và PHIẾU BẦU CỬ theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT, 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT và 02 PHIẾU BẦU CỬ trong đó ghi: Mã Cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

11.1. **THẺ BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy màu trắng, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- b. Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch Đại hội;
- c. Thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu;
- d. Thông qua Chương trình Đại hội;
- e. Thông qua Tờ trình bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS công ty;
- f. Thông qua Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- g. Thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- h. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- i. Thông qua các vấn đề khác (nếu có).

11.2. **PHIẾU BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy màu vàng, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;
- b. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban điều hành Công ty;
- c. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023;
- d. Thông qua Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2024;
- e. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024;
- f. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2024;
- g. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2024;
- h. Thông qua các vấn đề khác (nếu có).

11.3. **PHIẾU BẦU CỬ:**

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị được in trên giấy màu xanh.
- Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát được in trên giấy màu hồng.

Cổ đông/Người được ủy quyền biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT, tích vào PHIẾU BIỂU QUYẾT để biểu quyết theo các nội dung sau: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến; hoặc ghi số quyền biểu quyết vào PHIẾU BẦU CỬ.

Điều 12: Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 biểu quyết thông qua. /s/



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hoa



Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NHIỆM KỲ 2024-2029
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (Công ty);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2024-2029 theo các nội dung sau đây:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này bao gồm những quy định về bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (nhiệm kỳ 2024-2029) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

Theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Đối với Thành viên độc lập HĐQT, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện như trên, còn phải đáp ứng các điều kiện như sau:

- Không phải là người làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty; trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty.
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Không phải là người đã từng làm Thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 3: Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

Theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác.
- Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 4: Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu và/hoặc người được uỷ quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 21/03/2024.

Điều 5: Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng cử viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 03 ứng cử viên; nắm giữ từ 50% đến 60% được quyền đề cử 04 ứng cử viên và nắm giữ từ



60% trở lên được quyền đề cử tối đa 05 ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Đề cử ứng viên Ban kiểm soát:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát; sở hữu từ 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 02 ứng viên; sở hữu từ 40% trở lên được quyền đề cử tối đa 03 ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

7.1. Danh sách ứng cử viên vào HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

7.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo Mã cổ đông;
- Cổ đông được phát phiếu bầu theo Mã cổ đông (sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

7.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo Mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền).
- Phiếu bầu cử không còn nguyên vẹn.

Điều 8: Phương thức bầu cử và nguyên tắc bầu dồn phiếu:

8.1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

8.2. Quyền biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu, hoặc được ủy quyền của cổ đông. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

8.3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được sử dụng một (01) Phiếu bầu thành viên HĐQT và (01) Phiếu bầu thành viên BKS tương ứng với số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

8.4. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT, BKS:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền biểu quyết}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết}} \times \boxed{\text{Số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát}}$$

8.5. Cổ đông có thể dồn toàn bộ tổng số quyền biểu quyết cho một (01) ứng cử viên, hoặc chia đều tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng cử viên, hoặc chỉ lấy một phần trong tổng số quyền biểu quyết để bầu cho một số ứng cử viên theo mức độ tín nhiệm, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số quyền biểu quyết không vượt quá tổng số quyền biểu quyết cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 9: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

9.1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu.
 - + Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.
 - + Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung.
 - + Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

9.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 10: Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

10.1. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo tỷ lệ phần trăm phiếu bầu trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) tính từ cao xuống thấp.

10.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ lựa chọn người nào sở hữu/dại diện sở hữu nhiều cổ phần Công ty hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 21/03/2024.

10.3. Trường hợp kết quả bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS đã được Đại hội thông qua thì sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những người đề cử hoặc ứng cử không trúng cử đợt 1 còn lại. Trường hợp vẫn không bầu đủ số lượng thành viên HĐQT thì việc bầu cử tiếp theo sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 11: Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu:

11.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban Kiểm phiếu; Danh sách đề cử; Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Kết quả kiểm phiếu và Danh sách trúng cử.

11.2. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 12: Quy định khác:

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 13: Hiệu lực thi hành:

Quy chế này gồm có 13 (mười ba) Điều, được đọc công khai tại ĐHĐCĐ và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 biểu quyết thông qua. /12

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC NHI

Nguyễn Thanh Hoa

Số: 213/BC-HĐQT/2024/DBFC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

-----***-----

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (“Công ty”); Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Thay mặt cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty, Tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023; Phương hướng hoạt động năm 2024, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

1. Kết quả kinh doanh năm 2023:

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		So sánh	
				Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2022 (%)	Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.172	4.432	3.517	110,88%	79,35%
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	146,3	178,2	190,3	130%	107%
3	Gas chất đốt	Tấn	214	300	885	399,5%	295%
4	Dầu nhờn	Lít	21.291	200.000	102.582	481,8%	51%
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	11,904	20,0	9,28	77,96%	46,4%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,262	16,0	5,45	58,84%	34%

Năm 2023 thị trường xăng dầu thế giới đã ổn định hơn với mức giá trung bình thấp hơn khoảng 20% so với năm 2022. Tuy nhiên, xu hướng giá lại biến động khó đoán, có thời điểm tăng mạnh lên mức đỉnh một năm nhưng có thời điểm giảm sâu. Tình hình kinh tế thế giới và trong nước hồi phục chậm hơn so với dự báo. Tình hình kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, GDP cả năm 2023 dự kiến chỉ tăng 5% (kế hoạch năm 2023 GDP tăng 6,5%) đã ảnh hưởng đến mức tiêu thụ xăng dầu trong nước.

Đứng trước những khó khăn trên, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành mở rộng thị trường kinh doanh, đặc biệt là mảng bán hàng thương mại và bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc; chú trọng và đầu tư vào kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng làm nền tảng để ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn.

2. Về việc phân phối các quỹ và chi trả cổ tức năm 2023:

2.1. Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 239/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 21/04/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 522/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2023, các quỹ lợi nhuận sau thuế trong năm 2023 được phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023	:	5.447.914.074
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5% lợi nhuận sau thuế năm 2023)	:	272.395.703
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2023	:	5.175.518.371
- Lợi nhuận năm trước chuyển qua	:	520.100
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2023	:	5.176.038.471

2.2. Về việc chi trả cổ tức năm 2023

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 239/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, Công ty chi trả cổ tức năm 2023 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023	:	5.447.914.074
- Số tiền chi trả cổ tức (60,217% LNST 2023)	:	3.280.549.041
- Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng cổ phiếu

3. Về kết quả xin cấp phép cho Công ty làm thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu:

HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện một số thủ tục, thực hiện nộp hồ sơ xin Bộ Công thương cấp phép làm thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu. Tuy nhiên, do điều kiện đáp ứng các yêu cầu để được cấp phép thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu chưa đảm bảo lên đến thời điểm hiện nay hồ sơ chưa được xét duyệt. HĐQT, Ban điều hành sẽ tiếp tục theo sát, chuẩn bị hồ sơ đưa doanh nghiệp trở thành thương nhân kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu..

4. Về kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 239/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 522/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 14/08/2023; HĐQT đã thực hiện các thủ tục theo quy định để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đến tháng 11/2023, công tác trên đã hoàn thành và toàn bộ số lượng cổ phiếu tăng thêm được đưa vào giao dịch từ ngày 16/11/2023.

Số liệu cụ thể về kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

TT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi (tăng)	Sau khi thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	41.596.000.000	116.884.630.000	158.480.630.000
2	Tổng số cổ phiếu	4.159.600	11.688.463	15.848.063
3	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	4.159.600	11.688.463	15.848.063
4	Số lượng cổ phiếu quỹ	0	0	0
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có)	0	0	0

5. Về kết quả thực hiện phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE):

HĐQT, Ban điều hành đã triển khai một số thủ tục theo quy định để chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE, tuy nhiên Công ty chưa đáp ứng một số điều kiện khi giao dịch trên sàn HOSE. Vì vậy, HĐQT sẽ triển khai thực hiện nội dung này vào thời điểm thích hợp khi Công ty đủ điều kiện giao dịch trên sàn HOSE.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023

1. Cơ cấu nhân sự HĐQT công ty (tính đến hết ngày 31/12/2023) gồm có:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ngày không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch HĐQT	06/03/2019	
2	Ông Vũ Hoàng Huynh	Thành viên	20/05/2021	
3	Ông Phạm Văn Nam	Thành viên	06/03/2019	
4	Ông Lê Minh Khuê	Thành viên	06/03/2019	
5	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	21/04/2023	

2. Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT:

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 22 phiên họp, trong đó có họp tập trung và họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ..., thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban Điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2023 (Bao gồm các Nghị quyết được thông qua bằng hình thức tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	23/2023/NQ-HĐQTCD	17/01/2023	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Đồng Nai (10 tỷ)	80%
02	75/2023/NQ-HĐQTCD	24/02/2023	Đồng ý cho Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ vay vốn (20 tỷ).	80%
03	91/2023/NQ-HĐQTCD	01/03/2023	Miễn nhiệm chức vụ Thư ký công ty từ ngày 01.03.2023 đối với bà Trần Thị Hương.	100%
04	92/2023/NQ-HĐQTCD	01/03/2023	Bổ nhiệm thư ký công ty từ ngày 01.03.2023 đối với bà Bùi Thị Loan.	100%

05	107/2023/NQ-HĐQTCD	07/03/2023	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023; thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.	100%
06	143A/2023/NQ-HĐQTCD	27/03/2023	Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022; chương trình, hồ sơ trình ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
07	143B/2023/NQ-HĐQTCD	27/03/2023	Đồng ý uỷ quyền cho người đại diện pháp luật (hiện nay là Giám đốc công ty): đàm phán, ký kết các hợp đồng mua, bán, vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% lũy kế tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, đảm bảo tuân thủ pháp luật và lợi ích của công ty.	100%
08	143C/2023/NQ-HĐQTCD	27/03/2023	Đồng ý chủ trương cho phép Công ty cổ phần chứng khoán Everest là một trong các đơn vị được tham gia thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn chứng khoán.	100%
09	183/2023/NQ-HĐQTCD	11/04/2023	Thông qua việc chuyển đổi từ cửa hàng bán lẻ LPG chai sang thương nhân kinh doanh LPG.	100%
10	310/2023/NQ-HĐQTCD	26/05/2023	Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty và bên có liên quan (Công ty cổ phần chứng khoán Everest).	100%
11	382/2023/NQ-HĐQTCD	19/06/2023	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
12	442/2023/NQ-HĐQTCD	11/07/2023	Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
13	524/2023/HĐQTCD	14/08/2023	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
14	526/2023/NQ-HĐQTCD	14/08/2023	Thông qua chủ trương vay vốn tại ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam chi nhánh Phú Mỹ Hưng	80%
15	582/2023/NQ-HĐQTCD	07/09/2023	Cử người đại diện phần vốn góp tại công ty TNHH thực phẩm Rạng Đông	100%
16	604/2023/NQ-HĐQTCD	15/09/2023	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông phát hành cổ	100%

			phiếu	
17	611/2023/NQ-HĐQTCD	19/09/2023	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Vietcombank chi nhánh Đồng Nai	100%
18	676/2023/NQ-HĐQTCD	23/10/2023	Thông qua việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ công ty	100%
19	785/2023/NQ - HĐQTCD	11/12/2023	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền.	100%
20	786/2023/NQ - HĐQTCD	11/12/2023	Thông qua thực hiện dự án đầu tư tại khu đất xã An Phước, huyện Long Thành.	80%
21	797/2023/NQ - HĐQTCD	13/12/2023	Thông qua chủ trương vay vốn tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Đồng Nai	100%
22	847/2023/QĐ - HĐQTCD	27/12/2023	Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với Bà Trần Thị Ái Liên	100%

3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023

Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2023 là 1.218.000.000 đồng.

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công việc quản lý, điều hành của Ban điều hành. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ và cuộc họp khác của Ban điều hành, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

Công tác giám sát Ban điều hành và quản trị rủi ro nói chung và việc tuân thủ các quy định của công ty trong năm 2023 được triển khai có hệ thống chặt chẽ. Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

HĐQT trực tiếp làm việc và trao đổi với Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến việc triển khai hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty; tiếp thu những kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành và đã có những quyết sách kịp thời, phù hợp với tình hình chung của thị trường.

Kết quả giám sát HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc và các cán bộ khác trong Công ty đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty.

PHẦN THỨ HAI:

KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Về kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.349
2	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	184,9
3	Gas chất đốt	Tấn	1.600
4	Dầu nhờn	Lít	180.000
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	25,6
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	20,5
7	Phân phối cổ tức:	Tỷ đồng	0

Trong quá trình triển khai, tùy thuộc vào điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn, HDQT sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc tính toán và điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Phương hướng hoạt động của HDQT năm 2024

a. Thực hiện quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty; đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu của ĐHĐCĐ và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

b. Tiếp tục ổn định phát triển, tập trung ưu tiên nguồn lực vào các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao.

c. Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

d. Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình thị trường xăng dầu. Tìm kiếm khách hàng mới, chăm sóc khách hàng cũ; nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

g. Tăng cường công tác giám sát, phối hợp cùng Ban Giám đốc và các phòng ban bộ phận điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm hợp lý. Quan tâm đến thu nhập, quyền lợi cho CBNV.

e. Chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 theo quy định; xây dựng định hướng, chủ trương để thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025;

h. Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024.

PHẦN THỨ BA

KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024. Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị cổ đông đã sát cánh với Công ty trong năm vừa qua, đồng thời đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực của Ban Giám đốc và CBCNV về tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã kiên trì vượt khó, cùng nhau xây dựng để công ty ổn định và phát triển như hôm nay.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những gì chúng ta đã và đang tiếp tục nỗ lực phấn đấu không ngừng, cùng với sự gắn bó, tin tưởng, ủng hộ của Quý vị. Công ty chúng ta sẽ tiếp tục sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống!

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: 

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- BGD;
- Lưu: HĐQT, TCHC.



BÁO CÁO

V/v: kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023
và phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai ("Công ty"), tôi xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban điều hành Công ty như sau:

PHẦN 1:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH DOANH NĂM 2023

I. Tình hình chung:

Năm 2023 thị trường xăng dầu thế giới đã ổn định hơn năm 2022 nhưng xu hướng giá lại biến động khó dự đoán. Tình hình kinh tế thế giới và trong nước hồi phục chậm hơn so với dự báo. Tình hình kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn cùng với việc thay đổi các chính sách liên quan đến kinh doanh xăng dầu làm ảnh hưởng đến mức tiêu thụ xăng dầu trong nước.

II. Kết quả hoạt động kinh doanh 2023

1. Về kết quả kinh doanh năm 2023:

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 toàn công ty:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH năm 2023
I.	Sản Lượng				
1	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Lít/kg	178.237.000	190.311.796	107%
2	Gas chất đốt	Tấn	300	885	295%
3	Dầu nhờn	Lít/kg	200.000	102.582	51%
II.	Tài Chính				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.432	3.517	79,35%
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	4.344	3.444	79,28%

3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	87,7	72,7	82,9%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	6,7	13,9	207,46%
5	Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ đồng	17,1	29,8	174,27%
6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	31,2	26,3	84,29%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	25,9	21,5	83%
8	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	20,0	9,28	46,4%
9	Thuế TNDN	Tỷ đồng	4,0	3,83	95,75%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	16,0	5,45	34%

1.2. **Kết quả sản lượng năm 2023:** Sản lượng toàn công ty đạt được trong năm 2023 là 191.299.104 lít bao gồm xăng, dầu, gas, nhớt các loại, đạt 107% so với kế hoạch năm 2023. Chi tiết sản lượng như sau:

STT	NỘI DUNG		TỔNG KẾ HOẠCH 2023	TỔNG THỰC HIỆN 2023	% THỰC HIỆN
1	TỔNG CÁC CỬA HÀNG		44.226.527	43.556.403	98%
2	PHÒNG KINH DOANH	CÔNG NGHIỆP (lít/kg)	37.477.294	35.993.782	96%
		ĐẠI LÝ (lít)	36.384.033	33.354.703	92%
		GAS (tấn)	300	885	295%
		NHỚT (lít/kg)	200.000	102.582	51%
	TỔNG PHÒNG KD		74.361.327	69.348.485	93%
3	THƯƠNG MẠI		60.150.000	77.406.908	129%
TỔNG TOÀN C.TY			178.737.854	191.299.104	107%

Đối với nhóm cửa hàng:

- Nhóm cửa hàng đạt 98% so với kế hoạch của năm 2023. Năm 2023 các cửa hàng bán lẻ gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế bất ổn, nhiều doanh nghiệp không hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng dẫn đến sức tiêu thụ nhiên liệu giảm.

- Trong năm 2023 cũng là năm tình hình công nợ tại các cửa hàng được kiểm soát tốt nhất trong các năm qua, các khách hàng thực hiện thanh toán trước, trường hợp dở công nợ thì công ty yêu cầu khách hàng phát hành chứng thư bảo lãnh ngân hàng.

Đối với nhóm bán buôn:

- Nhóm khách hàng bán buôn chỉ đạt 96% so với kế hoạch năm nhưng đạt 125% so với sản lượng cùng kỳ năm 2022.

- Trong năm 2023, Công ty đã tiếp tục duy trì việc cung cấp xăng dầu cho các dự án trọng điểm quốc gia như dự án sân bay Long Thành, dự án cao tốc Bắc Nam tại khu vực miền trung...

- Trong năm 2023, Công ty cũng đã đấu thầu thành công và cung cấp sản lượng xăng dầu lớn cho các nhà máy sản xuất như Xi Măng Nghi Sơn, Xi Măng Hà Tiên, Cao Su Đồng Nai...

Đối với nhóm đại lý:

- Đạt 92% so với kế hoạch năm 2023, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2022.

- Trong năm 2023, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 80/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021 và Nghị định 83/2014 về kinh doanh xăng dầu có liên quan đến hoạt động kinh doanh nhóm đại lý nên Công ty cần phải định hướng và xây dựng lại một số chính sách cho nhóm khách hàng đại lý.

⇒ Trong năm 2023, Phòng Kinh doanh đã mở mới thêm 10 cửa hàng đại lý (đã có giấy đủ điều kiện chính thức). Như vậy tổng số đại lý hiện tại là 36 cửa hàng. Sau khi Nghị định 80/2023 được ban hành, năm 2024 hứa hẹn sẽ là một năm sôi nổi trong hoạt động của nhóm đại lý.

Đối với nhóm thương mại:

- Sản lượng năm 2023 đạt 77.407.323 lít, đạt 129% so với kế hoạch đề ra.

Đối với việc kinh doanh gas - khí đốt:

- Năm 2023, Công ty được cấp phép chuyển đổi từ cửa hàng bán lẻ LPG chai sang thương nhân kinh doanh LPG. Do đó, đẩy mạnh được sản lượng kinh doanh gas – khí đốt. Năm 2023 đạt 885 tấn, đạt 295% so với kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, năm 2023 Ban điều hành chú trọng công tác hoàn thiện quy trình và bộ máy chăm sóc khách hàng để đảm bảo chất lượng kinh doanh thông suốt, đảm bảo thông tin khách hàng, chất lượng phục vụ được phản hồi nhanh chóng và chính xác. Làm căn cứ để Ban điều hành kịp thời điều chỉnh quy trình vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.

1.3. Về công tác quản lý chi phí: Thực hiện chủ trương tiết kiệm, đồng thời để nâng cao hiệu quả kinh doanh, ngay từ đầu năm Ban điều hành đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quản lý chi phí chặt chẽ, lập kế hoạch chi phí đến từng phòng ban bộ phận. Trên cơ sở đó, các khoản mục chi phí được kiểm soát góp phần giảm thiểu tối đa chi phí trong hoạt động kinh doanh.

2. Về công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tổng số lao động đến hết ngày 31/12/2023 là: 133 người, tăng 03 người so với cùng kỳ năm 2022.

- Tình hình biến động nhân sự tại công ty trong năm 2023 như sau:

- + Tổng số lao động đầu kỳ là: 130 lao động.
- + Tổng lao động tăng trong kỳ là: 40 lao động.
- + Tổng lao động giảm trong kỳ là: 37 lao động.
- + Tổng số lao động cuối kỳ đến 31/12/2023 là: 133 lao động.
- Trong năm 2023, Ban điều hành Công ty có sự thay đổi về nhân sự như sau:
 - + Bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc (Bà Trần Thị Ái Liên);
 - Mặc dù tình hình kinh doanh gặp khó khăn nhưng các chế độ, chính sách cho người lao động đều được Công ty thực hiện đúng quy định, thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.
 - Thực hiện hoán đổi, điều chuyển nhân sự phù hợp với năng lực, sức khỏe của từng CB-CNV, sắp xếp nhân sự hợp lý, tăng kiêm nhiệm.

3. Về công tác kỹ thuật và xây dựng cơ bản

STT	Hạng mục đầu tư	Giá trị đầu tư (đồng)
1	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	195.979.012
2	Chi phí lắp đặt biển quảng cáo	24.600.552
3	Chi phí sửa chữa, cải tạo, thiết bị văn phòng	212.417.971
4	Chi phí lắp đặt trang thiết bị cửa hàng	1.210.919.543
Tổng giá trị đầu tư		1.643.917.078

Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư, chỉnh trang, sửa chữa một số cửa hàng bán lẻ trực thuộc; đảm bảo các cửa hàng có diện mạo khang trang, sạch sẽ và dễ nhận diện.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

I. Nhận định tình hình:

Trong năm 2023 cuộc xung đột tại khu vực Trung Đông tuy chưa tác động mạnh mẽ tới thị trường dầu mỏ thế giới nhưng bất cứ dấu hiệu leo thang nào xảy ra cũng có thể tác động đến thị trường, bên cạnh đó tình hình chính trị giữa Nga – Ukraine vẫn đang hết sức căng thẳng. Trước tình hình trên, năm 2024 tình hình chính trị thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường, rất dễ tác động tới thị trường dầu mỏ thế giới. Những dấu hiệu về việc suy thoái kinh tế vẫn tiếp tục kéo dài trong năm 2024 và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh; các doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp vận tải thu hẹp hoạt động dẫn đến lượng tiêu thụ nhiên liệu giảm đáng kể. Cùng với đó, các chính sách của nhà nước liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu cũng gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, như áp dụng phần mềm quản lý bán hàng, quy định xuất hóa đơn theo từng lần bán hàng....

II. Phương hướng thực hiện kinh doanh:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Năm 2024, Công ty xây dựng kế hoạch với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2024
I.	Sản lượng		
1	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Lít	184.916.209
2	Gas chất đốt	Tấn	1.600
3	Dầu nhờn	Lít	180.000
II.	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.349
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	4.261
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	88
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	14,4
5	Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ đồng	25,7
6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	30,7
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	21
8	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	25,6
9	Thuế TNDN	Tỷ đồng	5,1
10	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,5

2. Công tác kinh doanh:

- Mục tiêu hàng đầu trong năm 2024 là chuẩn bị hồ sơ đưa doanh nghiệp trở thành thương nhân kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu.

- Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, thông qua các mục tiêu cụ thể như sau:

+ Tập trung phát triển các mặt hàng mũi nhọn: Xăng, dầu, gas, nhớt;

+ Đối với lĩnh vực kinh doanh bán lẻ: Tăng cường mở rộng hệ thống cửa hàng trực thuộc bằng các hình thức mua thêm hoặc thuê lại trên nhiều địa bàn khác nhau; mục tiêu thuê, mở mới mới 02 cửa hàng xăng dầu trực thuộc trong năm 2024. Tìm kiếm đối tác cho thuê lại cửa hàng xăng dầu Hưng Nghĩa do hoạt động không hiệu quả (cửa hàng Hưng Nghĩa đã hoàn tất thủ tục cho thuê vào cuối tháng 02/2024).

+ Đối với lĩnh vực kinh doanh công nghiệp: Đẩy mạnh phát triển thị trường, tập trung phát triển các khách hàng dự án có sản lượng lớn, thực hiện giảm thiểu rủi ro công nợ bằng việc bán hàng thanh toán trước khi nhận hàng hoặc ký bảo lãnh thanh toán.

- + Đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nhân lực;
- + Tăng cường công tác Marketing, giữ vững các khách hàng truyền thống và tìm kiếm nguồn khách hàng mới;
- + Tăng cường chất lượng dịch vụ bán hàng để giữ vững thương hiệu;
- + Theo dõi sát, nắm bắt kịp thời tình hình biến động giá cả xăng dầu để điều hành dự trữ hàng hóa hợp lý, cơ hội tăng thêm lợi nhuận;
- + Tích cực tìm kiếm những thương nhân đầu mối có giá cả cạnh tranh và đảm bảo chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật về từng ngành hàng.
 - Hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị phải được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, của Công ty.
 - Tiếp tục phát huy những lợi thế đã có và tập trung hướng tới mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động tại các khu vực Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, tăng trưởng khách hàng và sản lượng, chuyên nghiệp hóa quá trình cung ứng sản phẩm và chăm sóc khách hàng, nâng cao uy tín và vị thế của doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề.
 - Chú trọng ổn định hoạt động và phát triển tại các cửa hàng trực thuộc, tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện nhiệm vụ. Quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

3. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, đào tạo cán bộ nguồn.
- Cập nhật kịp thời và hoàn thiện chính sách lương, cải tiến, đánh giá hiệu quả công việc đối với cá nhân/tập thể, gắn với các chỉ tiêu công việc trong năm.
- Rà soát, soạn thảo hoàn chỉnh các hệ thống văn bản để quản lý và vận hành công ty mang tính hệ thống và quy chuẩn.
- Rà soát, hoàn chỉnh hệ thống định biên nhân sự, sơ đồ tổ chức, sơ đồ chức danh các bộ phận phòng ban, chỉ tiêu giao việc, phân công nhiệm vụ, mô tả công việc từng chức danh; chức năng, nhiệm vụ cụ thể các phòng ban.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công ty dự kiến thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2024 như sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng cơ bản: tiếp tục kiểm tra, khảo sát hiện trạng, lên phương án thiết kế, xây dựng, sửa chữa các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc, đảm bảo phù hợp với mỹ quan để nhận diện thương hiệu thu hút khách hàng.
 - Khảo sát, xây dựng phương án sử dụng khu đất trống tại CHXD Long Phước.
 - Lên phương án xây dựng kho trung chuyển xăng dầu tại CHXD Núi Le.
 - Đầu tư xây dựng mới CHXD An Phước sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
 - Lắp đặt bồn trụ cho khách hàng mới, trang bị bảng hiệu cho đại lý mới;

- Trang bị vật tư trang thiết bị, thay thế, bảo trì bảo dưỡng hệ thống các cửa hàng.

5. Các vấn đề khác

- Lên kế hoạch tìm nhà cung ứng hàng hóa dịch vụ uy tín, chất lượng đảm bảo nguồn đầu vào của quá trình kinh doanh được ổn định, giúp cho công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường chất lượng quản lý thông qua đầu tư công cụ, thiết bị, phần mềm hỗ trợ vận hành và quản lý; đầu tư và phát triển hệ thống phần mềm quản trị công tác kinh doanh.

- Giám sát công tác kiểm tra phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự nhằm tạo môi trường kinh doanh an toàn, văn minh.

- Sử dụng vốn lưu động hiệu quả nhằm giảm chi phí tài chính, gia tăng lợi nhuận.

Từ kết quả đã đạt được năm 2023, đã chỉ ra đặc điểm của thị trường cung ứng xăng dầu và nội bộ doanh nghiệp, những ưu và nhược điểm trong quá trình điều hành để rút kinh nghiệm và phát huy năng lực hiện có. Với những thách thức, cơ hội trong năm 2023 và những tiền đề sẵn có, bằng sự quyết liệt và nỗ lực trong quá trình điều hành Công ty, Ban điều hành sẽ chỉ đạo CBNV hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch đã đề ra trong năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS
- Ban điều hành;
- Lưu HĐQT, TCHC.



Nguyễn Hoàng Linh



Số: 215/TTr/2024/DBFC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 kết thúc ngày 31/12/2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023, Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC cho năm tài chính 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 theo hồ sơ đính kèm./.

Nơi nhận: *th*
- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thanh Hoa

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao HDQT, BKS năm 2023
và phương án chi trả tiền thù lao HDQT, BKS năm 2024

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền lợi và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 239/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024 và thực tế hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

A. Quyết toán chi trả thù lao cho các thành viên HDQT, BKS năm 2023:

Căn cứ Nghị quyết số 239/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, mức thù lao HDQT, BKS như sau:

1. Số lượng thành viên HDQT, BKS:

- Thành viên HDQT: 05 thành viên.
- Thành viên BKS: 03 thành viên.

2. Dự kiến chi năm 2023: 1.218.000.000 đồng;

3. Thực tế thù lao đã chi năm 2023: 1.218.000.000 đồng. Trong đó:

- Chủ tịch HDQT: 45.000.000đ/tháng.
- Thành viên HDQT: 10.000.000đ/người/tháng.
- Trưởng BKS: 7.500.000đ/tháng.
- Thành viên BKS: 4.500.000đ/người/tháng.

B. Phương án trả thù lao cho các thành viên HDQT, BKS năm 2024:

1. Số lượng thành viên HDQT, BKS:

- Thành viên HDQT: 05 thành viên.
- Thành viên BKS: 03 thành viên.

2. Dự kiến chi năm 2024: 1.218.000.000 đồng; mức chi cụ thể cho từng thành viên do các thành viên tự thống nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận: *h*

- ĐHĐCĐ;
- TV HDQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HDQT, TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ CHẤT ĐÓT
ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI
Nguyễn Thanh Hoa

Số: 217/Tr/2024/DBFC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023,
kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 239/2023/NQ-DHDCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và Nghị quyết số 522/2023/NQ-DHDCĐ ngày 14/08/2023 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2023 kết thúc ngày 31/12/2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

BẢNG PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2023	5.448.434.174
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	5.447.914.074
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước chuyển sang	520.100
II	Trích lập các quỹ năm 2023	272.395.703
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2023 (5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2023)	272.395.703

III	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ năm 2023	5.175.518.371
IV	Cổ tức (*)	
1	Tỷ lệ chi trả cổ tức	2,07% vốn điều lệ
2	Giá trị tối đa	3.280.549.041
3	Hình thức	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
V	Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia dùng để bổ sung nguồn vốn đầu tư (chuyển năm sau)	1.895.489.430

(*) Theo Nghị quyết DIHDCD thường niên năm 2023 thông qua dự kiến chia cổ tức cho cổ đông tối thiểu 60% từ nguồn lợi nhuận sau thuế bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu. Để bảo đảm lợi ích cho các cổ đông và trên cơ sở tình hình kết quả kinh doanh năm 2023 Công ty đạt được, Hội đồng quản trị đề xuất mức chi trả cổ tức tương đương 60,217% lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là 2,07% vốn điều lệ.

Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023: Chi tiết Phương án phía dưới đính kèm Tờ trình này. Giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty chỉ đạo hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024

BẢNG KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	20.509.565.965
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2024 (5% lợi nhuận sau thuế năm 2024)	1.025.478.298
III	Phân phối cổ tức:	0

Dự kiến năm 2024 không chia cổ tức cho cổ đông để tập trung ưu tiên dòng tiền sử dụng làm nguồn lực cho sự phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- DIHDCD;
- TV HDQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HDQT, TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC NICH



Nguyễn Thanh Hoa

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỀ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2023; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2024 và cân đối các nguồn vốn của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai đề xuất và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu đề trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phương án phát hành:

- Tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai
- Mã chứng khoán : BMF
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyên nhượng
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mức vốn điều lệ hiện tại : 158.480.630.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám tỷ bốn trăm tám mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)
(trước khi phát hành)
- Tổng số lượng cổ phiếu : 15.848.063 phiếu (Bằng chữ: Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn không trăm sáu mươi ba cổ phiếu)
đã phát hành/đang lưu hành
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

360
CỔ
CỔ
TƯ
VÀ
Đ
V/KC

- Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:2,07 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng với 01 quyền, 100 quyền nhận được 2,07 cổ phiếu mới)
- Tỷ lệ phát hành : 2,07% (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
- Giá trị chia cổ tức tối đa : 3.280.549.041 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 328.054 cổ phiếu (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám nghìn không trăm năm mươi tư cổ phiếu)
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá : 3.280.540.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cổ phiếu của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 nhằm tăng quy mô vốn điều lệ để gia tăng năng lực cạnh tranh bằng chính nội lực sẵn có phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty; nâng cao vị thế thương hiệu và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- Nguồn vốn thực hiện : Số tiền dự kiến dùng để chi trả cổ tức năm 2023 được trích từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý phần lẻ cổ phiếu và cổ phiếu lẻ (nếu có) : Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, phần lẻ thập phân (nếu có phát sinh khi thực hiện quyền) sẽ được hủy bỏ không thực hiện và số vốn điều lệ mới được đăng ký trên sổ cổ phần thực tế phân phối được.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông A sở hữu 1.100 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là: $(1.100 \times 2,07)/100 = 22,77$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà

cổ đông A được nhận là 22 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ là 0,77 cổ phiếu sẽ bị hủy.

- Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
- Thời gian dự kiến phát hành : Trong năm 2024 sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Phương thức phát hành : Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền
- Phương thức phân phối :
 - + Đối với chứng khoán đã lưu ký: Cổ phiếu sẽ được phân bổ về tài khoản mà cổ đông đã mở tại các Thành viên lưu ký.
 - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai - Địa chỉ: Số 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- Đăng ký chứng khoán bổ sung : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án tăng vốn sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất việc phát hành.
- Thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án tăng vốn sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (Upcom) vào thời điểm thích hợp theo lựa chọn của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật về chứng khoán.

2. Các nội dung ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời được phép chủ động sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua (bao gồm cả việc điều chỉnh số lượng cổ phiếu phát

Đã
Y
N
DU
K
T
/ 03/

hành, tỷ lệ thực hiện quyền) và hồ sơ phát hành có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai thành công đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;

- Lựa chọn thời điểm, phương thức thích hợp để triển khai và hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
- Lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời đảm bảo lợi ích cho cổ đông và phù hợp quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn;
- Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Công ty, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau khi hoàn tất đợt phát hành tăng vốn cho phù hợp với kết quả phát hành;
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác có liên quan (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt phát hành thành công và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, lợi ích của Công ty.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty);

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 08 tháng 3 năm 2024.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và luật Doanh nghiệp.

1. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

2. Kiểm soát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3. Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

4. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam

5. Ban kiểm soát thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ

II. Kết quả công tác giám sát năm 2023

1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính năm 2023 phản ánh đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 08/3/2024.

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Việt Oil tại ngày 31/12/2023 với số tiền là 37.991.800.000 VNĐ, hiện đang được bà Mai Thị Ngọc Trinh cam kết trả nợ thay bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bản cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2022. Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên, nên giá trị khoản trả trước cho người bán của Công ty cổ phần Việt Oil vẫn chưa được cân trừ”.

* Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính:

Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng

TÊN CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	624.829.174.063	464.337.117.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	19.964.578.596	31.863.525.260
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	294.170.000.000	123.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	142.421.273.546	245.127.126.536
IV. Hàng tồn kho	162.994.348.463	59.061.956.524
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.278.973.458	4.784.509.140
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	82.783.158.727	37.000.189.773
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.123.338.000	2.947.338.000
II. Tài sản cố định	19.319.464.870	21.439.366.620
IV. Tài sản dở dang dài hạn	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	59.476.632.030	11.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	1.863.723.827	1.513.485.153
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	707.612.332.790	501.337.307.233
NGUỒN VỐN		
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	543.683.268.616	342.856.157.133
I. Nợ ngắn hạn	539.089.701.949	338.017.590.466
II. Nợ dài hạn	4.593.566.667	4.838.566.667
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	163.929.064.174	158.481.150.100
I. Vốn chủ sở hữu	163.929.064.174	158.481.150.100
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	520.100	74.704.683.635
- LNST chưa phân phối kỳ này	5.447.914.074	9.261.967.699
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	707.612.332.790	501.337.307.233

- Tài sản ngắn hạn: 624,829 tỷ đồng, chiếm 88,3% tổng tài sản, chủ yếu là tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu và hàng tồn kho.

- Số dư nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng: 91,764 tỷ đồng chiếm 12,97% tổng tài sản, giảm 06,0% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích tính đến thời điểm 31/12/2023 là 8,844 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn: 82,783 tỷ đồng chiếm 11,7% tổng tài sản

- Nợ phải trả: Tổng dư nợ phải trả tại ngày 31/12/2023: 543,683 tỷ đồng chiếm 76,83% tổng nguồn vốn, tăng 58,57% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó tiền nợ vay: 525,697 tỷ đồng chiếm 96,69% nợ phải trả.

- Vốn chủ sở hữu: 163,929 tỷ đồng chiếm 23,17% tổng nguồn vốn. Trong đó số dư các quỹ lần lượt là:

+ Vốn góp của chủ sở hữu: 158,480 tỷ đồng

+ Lợi nhuận chưa phân phối: 5,448 tỷ đồng

Qua cơ cấu tài chính trên cho thấy:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, gas. Do đó, tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm 88,3% tổng tài sản (chủ yếu hàng tồn kho, nợ phải thu, tiền mặt, đầu tư tài chính ngắn hạn).

Nguồn vốn chủ yếu tài trợ cho hoạt động kinh doanh là nguồn vốn vay, chiếm 96,69% nợ phải trả. Số dư công nợ phải thu của khách hàng giảm 06,0% so với năm 2022 và chiếm 12,97% tổng tài sản.

*** Tình hình và cơ cấu cổ đông:**

- Chi tiết vốn đầu tư của CSH	<u>ĐVT</u>	<u>Tại ngày 31/12/2023</u>	<u>Tỷ lệ</u>
+ Bà Hoàng Thị Thanh Hằng	VND	35.174.000.000	22,19%
+ Ông Lưu Công Quang	VND	14.906.570.000	9,41%
+ Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	VND	13.102.210.000	8,27%
+ Vũ Thu Trang	VND	9.748.280.000	6,15%
+ Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần	VND	7.924.810.000	5,00%
+ Các cổ đông khác	VND	77.624.760.000	48,98%
Cộng		158.480.630.000	100%

- Số lượng cổ đông

CF 313

- Tổng số cổ phần đang lưu hành

CP 15.848.063

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

VND 10.000/cổ phiếu

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

Kết quả các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ TH/KH2023
Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	178,237	190,312	106,77%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	4.432,15	3.517,09	79,35%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,029	5,448	33,99%

- Tổng sản lượng xăng dầu bán ra năm 2023 là: 190,312 triệu lít đạt 106,77% so với kế hoạch.

- Doanh thu: 3.517,087 tỷ đồng đạt 79,35% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế: 5,448 tỷ đồng đạt 33,99% so với kế hoạch.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện 22 phiên họp (trong đó có họp tập trung và họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) và ban hành 22 Nghị quyết. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự chuẩn bị dự thảo nội dung cụ thể, thông báo cho các thành viên HĐQT và BKS nghiên cứu trước khi họp, các vấn đề nêu ra trong cuộc họp đều được thảo luận dân chủ để đưa ra các Nghị quyết cụ thể, chỉ đạo và vận hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành giải quyết những vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

- Cụ thể hóa Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng các Nghị quyết của HĐQT và chỉ đạo Ban giám đốc điều hành và tuân thủ.

- Hội đồng quản trị đã hoàn thành chức năng kiểm tra đôn đốc Ban giám đốc trong việc thực hiện.

4. Kết quả giám sát đối với Ban giám đốc:

- Ban giám đốc thực hiện đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT đề ra, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty.

- Năm 2023 gặp nhiều khó khăn do giá xăng dầu biến động bất thường khó dự đoán, tình hình kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn nhưng Ban giám đốc đã nỗ lực thực hiện kế hoạch được giao, làm tốt công tác điều hành sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả nhất định cho Công ty.

5. Kiểm soát nguồn lực Công ty:

* Công tác tổ chức lao động và tiền lương:

- Tổng số lao động tại ngày 31/12/2023 là 133 người.

- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2023: 21,687 tỷ đồng.

- Công ty thực hiện chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động theo đúng quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng của Công ty. Thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.

1/2
 1/3
 1/4
 1/5
 1/6
 1/7
 1/8
 1/9
 1/10
 1/11
 1/12
 1/13
 1/14
 1/15
 1/16
 1/17
 1/18
 1/19
 1/20
 1/21
 1/22
 1/23
 1/24
 1/25
 1/26
 1/27
 1/28
 1/29
 1/30
 1/31
 1/32
 1/33
 1/34
 1/35
 1/36
 1/37
 1/38
 1/39
 1/40
 1/41
 1/42
 1/43
 1/44
 1/45
 1/46
 1/47
 1/48
 1/49
 1/50
 1/51
 1/52
 1/53
 1/54
 1/55
 1/56
 1/57
 1/58
 1/59
 1/60
 1/61
 1/62
 1/63
 1/64
 1/65
 1/66
 1/67
 1/68
 1/69
 1/70
 1/71
 1/72
 1/73
 1/74
 1/75
 1/76
 1/77
 1/78
 1/79
 1/80
 1/81
 1/82
 1/83
 1/84
 1/85
 1/86
 1/87
 1/88
 1/89
 1/90
 1/91
 1/92
 1/93
 1/94
 1/95
 1/96
 1/97
 1/98
 1/99
 1/100

- Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn thiện chính sách lương, cơ cấu nhân sự, phân công ca kíp hợp lý đảm bảo sức khỏe cho người lao động tái sản xuất.

- Việc bổ nhiệm và tuyển dụng nhân sự đều xuất phát từ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bộ máy của Công ty đã và đang tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành.

*** Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước**

Công ty thực hiện nộp ngân sách đầy đủ và kịp thời theo quy định. Năm 2023 Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước: 3,127 tỷ đồng.

*** Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2023**

Trong năm 2023 Công ty đã quan tâm đầu tư chỉnh trang, sửa chữa, lắp đặt trang thiết bị cửa hàng và văn phòng Công ty với tổng chi phí là: 1,644 tỷ. Nhìn chung các thủ tục và trình tự đầu tư XD/CB được triển khai đầy đủ theo quy định của pháp luật, công tác giám sát nghiệm thu bàn giao thanh toán được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

*** Thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 239/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 522/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/8/2023. Đến tháng 11/2023 việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã hoàn thành, toàn bộ số lượng cổ phiếu tăng thêm được đưa vào giao dịch từ ngày 16/11/2023. Sau khi tăng vốn cổ phần, Vốn điều lệ Công ty là: 158.480.630.000 đồng, tương đương với 15.848.063 cổ phần.

III. Kiến nghị và phương hướng công tác năm 2024:

Năm 2023 Ban kiểm soát sẽ khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2023, tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, công tác điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban giám đốc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả. Ban kiểm soát có một số kiến nghị và phương hướng công tác năm 2024 như sau:

1. Kiến nghị:

- Đề nghị HĐQT, Ban điều hành Công ty tiếp tục bám sát các cơ quan chức năng có thẩm quyền, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để được cấp phép cho Công ty làm thương nhân dầu mỡ xuất nhập khẩu xăng dầu trong thời gian tới.

- Các cửa hàng trực thuộc Công ty tiếp tục nâng cao kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tuân thủ theo đúng quy trình bán hàng, giám sát về chất lượng và số lượng hàng hóa đầu ra, đầu vào tại các cửa hàng. Khai thác và phát triển khách hàng mới, tích cực trong tác thu hồi công nợ. Luôn giữ vững uy tín và không ngừng nâng cao vị thế của Công ty.

- Phát huy những lợi thế hiện có, tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường kinh doanh ra các địa bàn lân cận, tăng trưởng khách hàng và sản lượng tiêu thụ.

- Đề nghị HĐQT, Ban điều hành Công ty thực hiện các thủ tục theo quy định để

Công ty chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của công ty trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) khi công ty đủ điều kiện niêm yết trên sàn HOSE.

2. Phương hướng công tác:

Năm 2024 Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2024. Rất mong nhận được sự tham gia góp ý chân thành của quý cổ đông để BKS hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt BKS kính chúc quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT/ BGĐ;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Thị Mai Phương





Biên Hoà, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên
và kiểm toán BCTC năm 2024

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông CTCP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

1. Ban Kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024.
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban Kiểm soát đề xuất 04 Công ty kiểm toán sau đây để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 :

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Với các đề xuất trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Ban Kiểm soát quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu VT, BKS.

Vũ Thị Mai Phương

Số: 220/TTr/2024/DBFC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

“Về việc: Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024-2029”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Năm 2024 là năm hết nhiệm kỳ 05 (năm) năm 2019-2024 của một số Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 với các nội dung sau:

1. Số lượng Thành viên HĐQT, BKS bầu nhiệm kỳ 2024-2029 như sau:

- Hội đồng quản trị: 04 thành viên (trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập HĐQT)
- Ban kiểm soát: 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện ứng viên Thành viên HĐQT, BKS:

2.1. Tiêu chuẩn ứng viên Thành viên HĐQT:

- Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là Thành viên HĐQT của Công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Đối với Thành viên độc lập HĐQT, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện như trên, còn phải đáp ứng các điều kiện như sau:

- Không phải là người làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty; trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.



- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty.

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Không phải là người đã từng làm Thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm 02 nhiệm kỳ liên tục.

2.2. Tiêu chuẩn ứng viên Thành viên BKS:

- Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác.

- Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

DHDCD tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 theo Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội. (Dự thảo Quy chế bầu cử đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- DHDCD;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.



Nguyễn Thanh Hoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 – 42

10/11
M
1/11
18/11
ON
OF
LUX
A
C
Đ
1/11

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 158.480.630.000 VND, tương đương 15.848.063 cổ phần và thời điểm 01/01/2023 là 41.596.000.000 VND, tương đương với 4.159.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỡ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1A, Tổ 14, Ấp 6, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1289, Quốc lộ 51, Tổ 25, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giây - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Thị trấn Dầu Giây, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 242, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố 3, Thị Trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219, Đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 2823, Quốc lộ 20, Tổ 4, Ấp Phú Tân, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
11	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất Đốt Đồng Nai	L10-06, Tầng 10, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
12	Cửa hàng Xăng dầu Suối Nho - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Hương lộ 16, tổ 7, ấp 5B, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Văn Nam	Thành viên
Ông Lê Minh Khuê	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ
Bà Vũ Thị Mai Phương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Anh	Thành viên

Ban Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Việt Nam	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày 12 tháng 01 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng và thay đổi sở hữu của 19.854 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành từ bà Nguyễn Thị Lệ Hoa theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 13/2023/HĐ-CNCPCĐĐN ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THANH HOA
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 232/2024/BCKT-HCM.00914

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024, từ trang 7 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại mục 5.4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Việt Oil tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 37.991.800.000 VND, hiện đang được bà Mai Thị Ngọc Trinh cam kết trả nợ thay bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bản cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2022. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên, nên giá trị khoản trả trước cho người bán của Công ty Cổ phần Việt Oil vẫn chưa được cần trừ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

LÊ HUỲNH BẢO
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2021-009-1

Vertical red stamp on the right margin containing the text: 'CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM' and 'QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH'.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		624.829.174.063	464.337.117.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.964.578.596	31.863.525.260
1. Tiền	111		19.964.578.596	31.863.525.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	294.170.000.000	123.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		294.170.000.000	123.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142.421.273.546	245.127.126.536
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	91.764.266.880	97.631.071.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	44.764.763.758	94.111.444.025
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	4.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	10.822.352.372	51.799.073.693
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(8.843.917.258)	(6.328.270.104)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	3.913.807.794	3.913.807.794
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	162.994.348.463	59.061.956.524
1. Hàng tồn kho	141		162.994.348.463	59.061.956.524
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.278.973.458	4.784.509.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	408.046.602	409.018.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.870.926.856	820.409.753
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	3.555.081.158
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82.783.158.727	37.000.189.773
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.123.338.000	2.947.338.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	1.394.448.000	2.370.448.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	728.890.000	576.890.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.319.464.870	21.439.366.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	8.051.544.124	10.060.706.010
- Nguyên giá	222		34.091.867.241	33.478.932.583
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.040.323.117)	(23.418.226.573)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	11.267.920.746	11.378.660.610
- Nguyên giá	228		12.677.677.564	12.677.677.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.409.756.818)	(1.299.016.954)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	59.476.632.030	11.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		49.913.222.998	1.100.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(436.590.968)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.863.723.827	1.513.485.153
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.863.723.827	1.513.485.153
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		707.612.332.790	501.337.307.233

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		543.683.268.616	342.856.157.133
I. Nợ ngắn hạn	310		539.089.701.949	338.017.590.466
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.040.406.758	1.847.402.464
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.788.458.098	7.156.841.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	316.261.447	58.504.642
4. Phải trả người lao động	314		1.737.350.595	3.134.894.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.455.544.690	1.956.615.907
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		60.000.000	60.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	3.152.484.777	3.502.948.829
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	525.697.166.020	319.458.353.900
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	842.029.564	842.029.564
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.593.566.667	4.838.566.667
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	4.593.566.667	4.838.566.667
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.929.064.174	158.481.150.100
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	163.929.064.174	158.481.150.100
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		158.480.630.000	41.596.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.480.630.000	41.596.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	20.594.900.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	12.323.598.766
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.448.434.174	83.966.651.334
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		520.100	74.704.683.635
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.447.914.074	9.261.967.699
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		707.612.332.790	501.337.307.233

NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu

VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.517.086.518.002	3.171.994.656.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.874.365	68.187.108
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	6.1	3.517.074.643.637	3.171.926.468.892
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.444.416.802.573	3.097.634.987.468
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		72.657.841.064	74.291.481.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.910.186.849	3.663.377.410
7. Chi phí tài chính	22	6.4	29.801.854.214	10.179.280.377
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.365.263.246	10.179.280.377
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	26.300.037.550	30.062.526.645
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	21.535.859.275	25.589.602.574
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8.930.276.874	12.123.449.238
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.275.292.319	817.572.241
12. Chi phí khác	32	6.8	925.956.341	1.036.947.622
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		349.335.978	(219.375.381)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.279.612.852	11.904.073.857
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	3.831.698.778	2.642.106.158
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		5.447.914.074	9.261.967.699
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	873	1.830

NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu

VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.279.612.852	11.904.073.857
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	2.794.836.408	2.796.328.540
Các khoản dự phòng	03	2.952.238.122	4.437.766.746
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.910.186.849)	(3.663.377.410)
Chi phí lãi vay	06	29.365.263.246	10.179.280.377
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.481.763.779	25.654.072.110
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	100.619.185.508	(80.289.035.923)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(103.932.391.939)	(16.491.544.040)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(9.425.072.914)	13.690.625.874
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(349.267.047)	563.215.728
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.183.589.747)	(9.944.494.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(6.508.259.112)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(962.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.789.372.360)	(74.287.419.481)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(674.934.658)	(2.227.416.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(270.470.000.000)	(127.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	103.800.000.000	24.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(48.813.222.998)	(10.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.809.771.232	1.563.387.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(206.348.386.424)	(114.164.029.272)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.500.744.858.594	1.206.611.396.150
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.294.506.046.474)	(1.010.683.042.250)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	206.238.812.120	195.928.353.900

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.898.946.664)	7.476.905.147
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	31.863.525.260	24.386.620.113
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	19.964.578.596	31.863.525.260



NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu



VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 158.480.630.000 VND, tương đương 15.848.063 cổ phần và thời điểm 01/01/2023 là 41.596.000.000 VND, tương đương với 4.159.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỡ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty liên kết

Công ty có 2 công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	Thành lập theo	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 20/06/1996	01A Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Ăn uống công cộng, chế biến bữa ăn công nghiệp, kinh doanh thực phẩm và giết mổ gia súc.	44%
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600445359 cấp lần đầu ngày 19/01/2000	Số 286, Đường Lê Duẩn, Khu Văn Hải, Thị Trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh nhiên liệu, công nghệ thực phẩm, điện máy và dịch vụ thương mại	32,36%

Thông tin về chi nhánh

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1A, Tổ 14, Ấp 6, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1289, Quốc lộ 51, Tổ 25, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giây - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Thị trấn Dầu Giây, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 242, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố 3, Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219, Đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 2823, Quốc lộ 20, Tổ 4, Ấp Phú Tân, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
10	Trạm Xăng dầu Trắng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trắng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
11	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất Đốt Đồng Nai	L10-06, Tầng 10, Toà nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
12	Cửa hàng Xăng dầu Suối Nho - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Hương lộ 16, tổ 7, ấp 5B, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 133 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 130 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính (Thông tư 200/2014/TT-BTC), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa, công cụ dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác

Các công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 46 - 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.13 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Công ty được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phản công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.18 Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Việt Nam	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt - VND	3.746.286.681	2.696.626.176
Tiền gửi ngân hàng - VND	16.218.291.915	29.166.899.084
	19.964.578.596	31.863.525.260

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chi tiết như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	294.170.000.000	294.170.000.000	123.500.000.000	123.500.000.000
	294.170.000.000	294.170.000.000	123.500.000.000	123.500.000.000

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,6% đến 8,0%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.17).

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, chi tiết như sau:

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông (a)	1.100.000.000	-	(*)	1.100.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành (b)	48.813.222.998	-	(*)	-	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên (c)	10.000.000.000	(436.590.968)	(*)	10.000.000.000	-	(*)
	59.913.222.998	(436.590.968)		11.100.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (a) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông với giá trị vốn góp là 1.100.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 20 tháng 06 năm 1996 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 05 năm 2020. Hoạt động chính của công ty liên kết là dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: cung ứng dịch vụ ăn uống.
- (b) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành với giá trị vốn góp là 48.813.222.998 VND tương ứng với 642.504 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,36% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600445359 cấp lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2000 và thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 07 năm 2020. Hoạt động chính của công ty là kinh doanh nhiên liệu, công nghệ thực phẩm, điện máy và dịch vụ thương mại.

Các giao dịch trọng yếu với công ty liên kết được trình bày tại mục 9.1.2.

- (c) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên với giá trị vốn góp là 10.000.000.000 VND tương ứng với 1.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,35% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001394460 cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2013 và thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 06 năm 2023. Hoạt động chính của công ty là chế biến trái cây các loại, xây dựng và phát triển cụm công nghiệp, trồng cây ăn trái theo chuẩn công nghệ cao.
- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 01 tháng 01 năm 2023, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác đang ghi nhận theo giá gốc. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường, và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Xi măng Nghi Sơn	26.950.235.528	29.419.426.046
Công ty Cổ phần Lizen	5.679.424.930	1.816.608.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	4.992.134.000	2.070.400.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm CJ Cầu Tre - Chi nhánh Long An	4.980.902.619	-
Công ty TNHH Hải Âu Phát	1.218.680.003	1.218.680.003
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Lộc	1.210.800.000	3.582.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	632.698.429	9.677.529.355
Các khách hàng khác	46.099.391.371	49.846.427.624
	91.764.266.880	97.631.071.128

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ cho các khoản vay (xem thuyết minh số 5.17).

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty Cổ phần Việt Oil (*)	37.991.800.000	38.191.800.000
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	5.020.414.937	26.300.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đại Dương	-	24.002.369.640
Các nhà cung cấp khác	1.752.548.821	5.617.274.385
	44.764.763.758	94.111.444.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (*) Đây là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Việt Oil hiện đang được bà Mai Thị Ngọc Trinh cam kết trả nợ thay bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bán cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2022. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên, nên giá trị khoản trả trước cho người bán của Công ty Cổ phần Việt Oil vẫn chưa được căn trừ.

5.4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Một thành viên Quý Như Ngọc	1.394.448.000	2.370.448.000
	<u>1.394.448.000</u>	<u>2.370.448.000</u>

5.5 Phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về nhận chuyển nhượng cổ phần (*)	1.389.780.000	-	46.398.798.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.390.980.823	-	2.254.400.822	-
Dự thu lãi cho vay	-	-	36.164.384	-
Thuế thu nhập cá nhân truy thu	43.514.279	-	70.035.526	-
Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật (**)	2.354.545.464	-	2.227.272.736	-
Phải thu về vỡ bình gas	387.820.000	-	537.080.000	-
Tạm ứng nhân viên	250.499.956	-	274.780.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.211.850	-	542.225	-
	<u>10.822.352.372</u>	<u>-</u>	<u>51.799.073.693</u>	<u>-</u>

- (*) Đây là khoản phải thu liên quan việc nhận chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 13/2023/HĐ-CNCPCĐĐN ngày 22 tháng 12 năm 2023 với bà Nguyễn Thị Lệ Hoa. Theo đó, công ty nhận chuyển nhượng 19.854 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành từ bà Nguyễn Thị Lệ Hoa với tổng giá trị chuyển nhượng 1.389.780.000 VND. Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành đã hoàn thành thủ tục thay đổi sở hữu của số cổ phần nêu trên cho Công ty vào ngày 12 tháng 01 năm 2024.

- (**) Đây là khoản phải thu liên quan đến tiền thuê mặt bằng của Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật theo hợp đồng thuê số 15/VLCĐ-TN ngày 25 tháng 12 năm 2014. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xuất hóa đơn cho khoản tiền thuê này.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	728.890.000	576.890.000
	<u>728.890.000</u>	<u>576.890.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng						
Công ty Cổ phần Nam Thịnh Phát	470.919.993	-	(470.919.993)	470.919.993	-	(470.919.993)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 211	244.950.000	-	(244.950.000)	244.950.000	-	(244.950.000)
Công ty TNHH Nguyễn Hoà Bình	318.868.900	-	(318.868.900)	318.868.900	-	(318.868.900)
DNTN Vạn Minh	100.480.000	-	(100.480.000)	100.480.000	-	(100.480.000)
Công ty TNHH MTV Văn Tiến Nghĩa	75.417.860	-	(75.417.860)	75.417.860	-	(75.417.860)
Công ty TNHH MTV Ngọc Tân Thành	204.365.800	-	(204.365.800)	204.365.800	-	(204.365.800)
Công ty TNHH Huy Tuấn Phát	65.593.000	-	(65.593.000)	65.593.000	-	(65.593.000)
Công ty TNHH Vận tải Thanh Đức	150.526.460	-	(150.526.460)	150.526.460	-	(150.526.460)
Công ty TNHH Trí Minh Phát	159.668.050	-	(159.668.050)	159.668.050	47.900.415	(111.767.635)
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thiện Ân	34.712.660	-	(34.712.660)	34.712.660	-	(34.712.660)
Công ty TNHH Vận tải Bảo Phúc Minh Long	27.520.000	-	(27.520.000)	27.520.000	-	(27.520.000)
Công ty TNHH Hải Âu Phát	1.218.680.003	365.604.001	(853.076.002)	1.218.680.003	609.340.001	(609.340.002)
Công ty CP Thương mại Lagom - Chi nhánh Sóc Trăng	523.622.120	261.811.060	(261.811.060)	523.622.120	523.622.120	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Vận tải Văn Anh	402.140.000	-	(402.140.000)	402.140.000	402.140.000	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Vận tải Vinh Phát	847.200.000	516.210.000	(330.990.000)	1.047.200.000	1.047.200.000	-
Các khách hàng khác	2.023.359.161	794.289.482	(1.229.069.679)	2.234.075.615	2.234.075.615	-
Tài sản thiếu chờ xử lý						
Công nợ biển thủ	3.913.807.794	-	(3.913.807.794)	3.913.807.794	-	(3.913.807.794)
	10.781.831.801	1.937.914.543	(8.843.917.258)	11.192.548.255	4.864.278.151	(6.328.270.104)

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công nợ biển thủ (*)	3.913.807.794	3.913.807.794
	3.913.807.794	3.913.807.794

(*) Khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biển thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019. Theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, số tiền ông Nguyễn Xuân Toàn phải bồi thường cho Công ty là 3.913.807.794 VND. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% cho khoản công nợ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	373.982.920	-	300.881.581	-
Hàng hóa	162.620.365.543	-	58.761.074.943	-
	162.994.348.463	-	59.061.956.524	-

Hàng hóa của Công ty được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.17).

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	195.979.012	52.303.859
Chi phí bảo hiểm	66.273.037	21.816.005
Chi phí lắp đặt biển quảng cáo	24.600.552	57.939.750
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	121.194.001	276.958.615
	408.046.602	409.018.229

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo, thiết bị văn phòng	212.417.971	509.627.714
Chi phí lắp đặt trang thiết bị cửa hàng	1.210.919.543	437.434.797
Chi phí trả trước dài hạn khác	440.386.313	566.422.642
	1.863.723.827	1.513.485.153

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	17.348.903.040	10.155.232.297	5.841.797.246	133.000.000	33.478.932.583
Mua trong năm	428.671.022	196.263.636	-	50.000.000	674.934.658
Giảm do thanh lý	-	(62.000.000)	-	-	(62.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	17.777.574.062	10.289.495.933	5.841.797.246	183.000.000	34.091.867.241
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	13.438.516.697	6.489.137.378	3.438.638.329	51.934.169	23.418.226.573
Khấu hao trong năm	1.213.863.427	899.981.722	542.150.496	28.100.899	2.684.096.544
Giảm do thanh lý	-	(62.000.000)	-	-	(62.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	14.652.380.124	7.327.119.100	3.980.788.825	80.035.068	26.040.323.117
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	3.910.386.343	3.666.094.919	2.403.158.917	81.065.831	10.060.706.010
Tại ngày 31/12/2023	3.125.193.938	2.962.376.833	1.861.008.421	102.964.932	8.051.544.124

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 19.332.847.948 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 16.873.294.888 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang thế chấp cho khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.969.108.955 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 2.544.618.032 VND) (xem thuyết minh 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.11 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2023	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
Tại 31/12/2023	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2023	1.054.903.171	244.113.783	1.299.016.954
Khấu hao trong năm	84.009.864	26.730.000	110.739.864
Tại 31/12/2023	1.138.913.035	270.843.783	1.409.756.818
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	11.325.488.029	53.172.581	11.378.660.610
Tại 31/12/2023	11.241.478.165	26.442.581	11.267.920.746

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 3.969.114.529 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 4.053.124.393 VND) (xem thuyết minh 5.17).

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Khánh Đa	1.016.597.000	1.016.597.000	831.039.400	831.039.400
Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn)	283.129.968	283.129.968	128.585.424	128.585.424
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Xăng dầu MT Minh Tấn	75.086.930	75.086.930	123.581.350	123.581.350
Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Thành Đại Phát	-	-	133.540.000	133.540.000
Các nhà cung cấp khác	665.592.860	665.592.860	630.656.290	630.656.290
	2.040.406.758	2.040.406.758	1.847.402.464	1.847.402.464

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Hóa dầu Trường Thịnh	-	4.417.750.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất Quốc Khánh	-	572.700.000
Công ty TNHH MTV Petro Quỳnh Mai	2.693.460.000	463.320.000
Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Hồng Xuân Hoàng	426.800.000	-
Các khách hàng khác	668.198.098	1.703.071.150
	3.788.458.098	7.156.841.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.14 Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Số phát sinh trong năm			31/12/2023
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chuyển khấu trừ VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT nội địa	-	-	351.689.453.287	(62.985.813)	(351.626.467.474)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(3.555.081.158)	3.831.698.778	-	-	276.617.620
Thuế thu nhập cá nhân	58.504.642	-	739.173.109	(763.033.924)	-	34.643.827
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.082.619.878	(2.082.619.878)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
Các loại thuế và khoản phải nộp khác	-	-	206.943.036	(201.943.036)	-	5.000.000
	58.504.642	(3.555.081.158)	358.565.888.088	(3.126.582.651)	(351.626.467.474)	316.261.447

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ, dịch vụ trong nước là 5%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.279.612.852	11.904.073.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	8.364.918.243	1.050.612.490
Thu nhập chịu thuế	17.644.531.095	12.954.686.347
Thu nhập được miễn thuế	(595.620.000)	(220.000.000)
Thu nhập tính thuế	17.048.911.095	12.734.686.347
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	3.409.782.219	2.548.937.269
Điều chỉnh TNDN các năm trước	421.916.559	95.168.889
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.831.698.778	2.642.106.158

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	538.691.704	357.018.205
Chi phí quà tặng	-	1.334.116.359
Chi phí thưởng đơn hàng bán, môi giới	-	197.905.750
Trích lương tháng 13	717.921.532	-
Chi phí phải trả khác	198.931.454	67.575.593
	1.455.544.690	1.956.615.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	114.540.349	114.540.349
Kinh phí công đoàn	46.198.000	43.292.000
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	-	1.307.500
Phải trả bảo hành công trình	-	98.934.835
Phải trả về vỏ bình gas	664.440.000	779.040.000
Phải trả về tiền thuê mặt bằng - Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật	2.278.181.828	2.150.909.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	49.124.600	314.925.045
	3.152.484.777	3.502.948.829

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.593.566.667	4.838.566.667
	4.593.566.667	4.838.566.667

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	21.145.430.000	21.145.430.000	54.535.630.000	54.535.630.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (b)	152.740.764.890	152.740.764.890	168.928.723.900	168.928.723.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai (c)	198.457.984.810	198.457.984.810	75.994.000.000	75.994.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng (d)	69.002.986.320	69.002.986.320	-	-
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Phước Đồng Nai (e)	24.725.000.000	24.725.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai (f)	49.625.000.000	49.625.000.000	-	-
Ông Nguyễn Chí Anh (g)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
	525.697.166.020	525.697.166.020	319.458.353.900	319.458.353.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300039854/2023-HĐCVHM/NHCT680-CHATDOT ngày 07 tháng 07 năm 2023. Hạn mức vay là 55.000.000.000 VND. Thời hạn vay từ ngày 07 tháng 07 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Lãi vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5 với giá trị đảm bảo là 14.588.662.800 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-13.62.9584/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2013.
- Toàn bộ hàng hóa là nhiên liệu xăng dầu, nhớt mỡ, gas, hàng khác... với giá trị đảm bảo là 32.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.62.300039854/HĐTC-CĐ ngày 18 tháng 09 năm 2014.
- Quyền đòi nợ với giá trị đảm bảo là 77.800.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT ngày 30 tháng 12 năm 2019.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Cửa hàng xăng dầu Long Phước, Cửa hàng xăng dầu Núi Le, Cửa hàng xăng dầu Trảng Bom, Cửa hàng xăng dầu số 2 và văn phòng Công ty với giá trị đảm bảo là 448.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT-BĐS ngày 01 tháng 12 năm 2020.
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với giá trị đảm bảo là 3.982.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT ngày 01 tháng 12 năm 2020.
- Hợp đồng tiền gửi số 680/2022/4448 với mệnh giá 10.510.000.000 VND, lãi suất 7,5%/năm, kỳ hạn 12 tháng từ ngày 14 tháng 02 năm 2023 đến ngày 14 tháng 02 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01.300039854/2022/HĐBĐ/NHCT680 - HDTG 10TY ngày 14 tháng 02 năm 2022.
- Hợp đồng tiền gửi số 680/2022/13948 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 680/2022/13948/PL1 với mệnh giá 7.500.000.000 VND, lãi suất 7,0%/năm, kỳ hạn 12 tháng từ ngày 05 tháng 05 năm 2023 đến ngày 05 tháng 05 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01.300039854/2022/HĐBĐ/NHCT680-HDTG 7.5TY ngày 05 tháng 05 năm 2022.

- (b) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 2023100/HDTD/QLN ngày 19 tháng 09 năm 2023, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023100A/HDHM/QLN và số 2023100B/HDHM/QLN ngày 19 tháng 09 năm 2023, Hợp đồng sửa đổi bổ sung 2023100A/HDHM/QLN-PL3 và số 2023100B/HDHM/QLN-PL3 ngày 24 tháng 10 năm 2023. Hạn mức vay là 170.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 628 tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 17 tại Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 4.876.761.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019050/HĐBĐ/QLN ngày 26 tháng 06 năm 2019 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 20 tháng 08 năm 2022.
- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3 tờ bản đồ số 30 tại Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 9.175.105.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 20120230/HĐBĐ/SME/NHNT ngày 10 tháng 09 năm 2012 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 19 tháng 09 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh như xăng dầu, nhớt, mỡ, gas với giá trị đảm bảo là 30.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2020090/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2020090/HĐBĐ/QLN-02 ngày 07 tháng 07 năm 2022 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 20 tháng 08 năm 2022.
 - Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa với giá trị tài sản đảm bảo quyền tài sản là 60.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 2020091/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2020091/HĐBĐ/QLN-02 ngày 07 tháng 07 năm 2022 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 20 tháng 08 năm 2022.
 - Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 3,8% đến 5,2%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 92.160.000.000 VND.
- (c) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 135/2023/13819238/HĐTD ngày 29 tháng 06 năm 2023. Hạn mức vay là 200.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.
- Quyền đòi nợ với giá trị đảm bảo là 40.643.388.934 VND theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 365/2023/13819238/HĐBĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023.
 - Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh như xăng dầu, nhớt, mỡ, gas với giá trị đảm bảo là 60.506.808.362 VND theo Hợp đồng khung thế chấp tài sản số 364/2023/13819238/HĐBĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023.
 - Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 3,6% đến 8,0%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND
- (d) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng theo Hợp đồng cấp tín dụng số SHBPMH/HDTD/2023/C018 ngày 22 tháng 06 năm 2023, Phụ lục sửa đổi bổ sung số 1 ngày 05 tháng 09 năm 2023 và Hợp đồng cấp tín dụng số SHBPMH/HDTD/2023/C022 ngày 13 tháng 07 năm 2023. Hạn mức vay lần lượt là 60.000.000.000 VND và 9.500.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.
- Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,6% đến 6,8%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 46.000.000.000 VND.
- (e) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Phước Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202300449 ngày 02 tháng 11 năm 2023. Hạn mức vay là 25.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.
- Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi sau:
- Hợp đồng tiền gửi số 5903630009467/HĐTG/NHNo-CN Tam Phước Đồng Nai với mệnh giá 6.000.000.000 VND, lãi suất 4,5%/năm, kỳ hạn 6 tháng từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến ngày 01 tháng 05 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 11/2023/CONG TY VLXD VA CHAT DOT DONG NAI/HĐCC ngày 02 tháng 11 năm 2023.
 - Hợp đồng tiền gửi số 5903630009450/HĐTG/NHNo-CN Tam Phước Đồng Nai với mệnh giá 7.000.000.000 VND, lãi suất 4,5%/năm, kỳ hạn 6 tháng từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến ngày 01 tháng 05 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 11/2023/CONG TY VLXD VA CHAT DOT DONG NAI/HĐCC1 ngày 02 tháng 11 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (f) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 177961.23.720.30366329.TD ngày 19 tháng 12 năm 2023. Hạn mức vay là 200.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 10 năm 2024. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 55301.23.720.30366329.TG.DN với mệnh giá 15.000.000.000 VND, lãi suất 4,3%/năm, kỳ hạn 6 tháng từ ngày 19 tháng 12 năm 2023 đến ngày 19 tháng 06 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 180983.23.720.30366329.BD ngày 19 tháng 12 năm 2023.
- Hợp đồng tiền gửi số 55302.23.720.30366329.TG.DN với mệnh giá 10.000.000.000 VND, lãi suất 4,3%/năm, kỳ hạn 6 tháng từ ngày 19 tháng 12 năm 2023 đến ngày 19 tháng 06 năm 2024 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 180984.23.720.30366329.BD ngày 19 tháng 12 năm 2023.

- (g) Đây là khoản vay ngắn hạn ông Nguyễn Chí Anh theo Hợp đồng vay vốn số 11/2023/CĐĐN-HEVT ngày 02 tháng 11 năm 2023. Hạn mức vay là 10.000.000.000 VND. Thời gian vay là 12 tháng từ ngày 02 tháng 11 năm 2023 đến ngày 02 tháng 11 năm 2024. Mục đích vay để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất vay là 7,5%/năm. Lãi vay sẽ được trả theo định kỳ 3 tháng/lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2023	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	299.458.353.900	2.459.751.433.936	(2.243.512.621.816)	515.697.166.020
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	20.000.000.000	15.993.424.658	(35.993.424.658)	-
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
	319.458.353.900	2.500.744.858.594	(2.294.506.046.474)	525.697.166.020

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2023	Tăng do trích lập/nhận quỹ	Giảm khác	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	95.989.015	-	-	95.989.015
Quỹ phúc lợi	19.923.407	-	-	19.923.407
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty (*)	726.117.142	463.098.385	(463.098.385)	726.117.142
	842.029.564	463.098.385	(463.098.385)	842.029.564

- (*) Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty được trích theo Nghị quyết số 239/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 và hoàn trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty theo Nghị quyết số 522/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 08 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	76.355.075.704	150.869.574.470
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.261.967.699	9.261.967.699
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	(1.650.392.069)	(1.650.392.069)
Tại ngày 31/12/2022	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	83.966.651.334	158.481.150.100
Tại ngày 01/01/2023	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	83.966.651.334	158.481.150.100
Tăng vốn trong năm	116.884.630.000	(20.594.900.000)	(12.323.598.766)	(83.966.131.234)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.447.914.074	5.447.914.074
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	(463.098.385)	(463.098.385)
Hoàn Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	463.098.385	463.098.385
Tại ngày 31/12/2023	158.480.630.000	-	-	5.448.434.174	163.929.064.174

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 158.480.630.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2023			01/01/2023		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Hoàng Thị Thanh Hằng	3.517.400	35.174.000.000	22,19	-	-	-
Lưu Công Quang	1.490.657	14.906.570.000	9,41	-	-	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.310.221	13.102.210.000	8,27	443.500	4.435.000.000	10,66
Vũ Thu Trang	974.828	9.748.280.000	6,15	-	-	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	792.481	7.924.810.000	5,00	208.000	2.080.000.000	5,00
Nguyễn Văn Chi	-	-	-	923.200	9.232.000.000	22,19
Nguyễn Thế Hùng	-	-	-	600.000	6.000.000.000	14,43
Vú Thị Mai Phương	-	-	-	600.000	6.000.000.000	14,43
Ngô Dạ Ngân	-	-	-	651.381	6.513.810.000	15,66
Cổ đông khác	7.762.476	77.624.760.000	48,98	733.519	7.335.190.000	17,63
	15.848.063	158.480.630.000	100,00	4.159.600	41.596.000.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.848.063	4.159.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.848.063	4.159.600
Cổ phiếu phổ thông	15.848.063	4.159.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.848.063	4.159.600
Cổ phiếu phổ thông	15.848.063	4.159.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.449.064.141	260.832.687
Trên 1 năm đến 5 năm	5.573.104.570	1.043.330.752
Trên 5 năm	22.074.189.074	5.032.230.966
	<u>29.096.357.785</u>	<u>6.336.394.405</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.515.624.455.603	3.169.203.568.159
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.462.062.399	2.791.087.841
	<u>3.517.086.518.002</u>	<u>3.171.994.656.000</u>
Các khoản giảm trừ:		
- Giảm giá hàng bán	(11.874.365)	(68.187.108)
Doanh thu thuần	<u>3.517.074.643.637</u>	<u>3.171.926.468.892</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	44.099.774	111.684.702
Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên	1.831.054	-
	<u>45.930.828</u>	<u>111.684.702</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.2	Giá vốn hàng bán	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
	Giá vốn hàng hóa đã bán	3.444.416.802.573	3.097.634.987.468
		3.444.416.802.573	3.097.634.987.468
6.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
	Lãi tiền gửi ngân hàng	11.235.799.727	3.038.336.314
	Lãi cho vay	2.078.767.122	405.041.096
	Cổ tức được chia	595.620.000	220.000.000
		13.910.186.849	3.663.377.410
6.4	Chi phí tài chính	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	29.365.263.246	10.179.280.377
	Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	436.590.968	-
		29.801.854.214	10.179.280.377
6.5	Chi phí bán hàng	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
	Chi phí nhân viên bán hàng	17.984.568.199	18.744.692.560
	Chi phí vật liệu bao bì	189.477.309	201.990.258
	Chi phí dụng cụ đồ dùng	626.666.477	940.989.478
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.059.983.124	1.150.659.134
	Chi phí khuyến mãi, quà tặng	287.482.969	2.578.923.308
	Chi phí điện văn phòng	595.848.832	502.435.652
	Chi phí tiếp khách	1.201.624.615	2.041.911.667
	Chi phí bán hàng khác	4.354.386.025	3.900.924.588
		26.300.037.550	30.062.526.645
6.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
	Chi phí nhân viên quản lý	8.109.824.065	7.378.056.240
	Chi phí vật liệu quản lý	693.440.280	814.988.695
	Chi phí đồ dùng văn phòng	354.518.070	892.357.646
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.743.603.282	1.645.669.406
	Thuế, phí và lệ phí	2.152.142.710	1.098.621.338
	Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	2.515.647.154	4.437.766.746
	Chi phí điện văn phòng	179.939.762	164.435.244
	Chi phí tiếp khách	757.131.708	3.421.944.813
	Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.029.612.244	5.735.762.446
		21.535.859.275	25.589.602.574
6.7	Thu nhập khác	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
	Thu nhập từ tiền điện, nước ở các kí ốt cho thuê	214.716.884	311.258.696
	Chiết khấu sản lượng	361.687.301	246.810.674
	Thu nhập khác	698.888.134	259.502.871
		1.275.292.319	817.572.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.8 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành	348.000.000	348.000.000
Chi phí điện nước ở các ki ốt cho thuê	214.199.001	278.483.717
Chi phí khác	363.757.340	410.463.905
	925.956.341	1.036.947.622

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	5.447.914.074	9.261.967.699
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.650.392.069)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.447.914.074	9.261.967.699
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	6.241.107	4.159.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	873	1.830

Trong năm 2022, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 191/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2022. Việc trích lập dẫn đến thay đổi lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2023 Cổ phiếu	Năm 2022 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.159.600	4.159.600
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	2.081.507	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.241.107	4.159.600

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	882.917.589	1.016.978.953
Chi phí nhân công	26.094.392.264	26.122.748.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.794.836.408	2.796.328.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.022.027.886	8.709.650.684
Chi phí khác	15.041.722.678	17.006.422.242
	47.835.896.825	55.652.129.219

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.500.744.858.594	1.206.611.396.150

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.294.506.046.474	1.010.683.042.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Phải trả người bán	2.040.406.758	-	2.040.406.758
Chi phí phải trả	1.455.544.690	-	1.455.544.690
Phải trả khác	2.991.746.428	-	2.991.746.428
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	4.593.566.667	4.593.566.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	525.697.166.020	-	525.697.166.020
	532.184.863.896	4.593.566.667	536.778.430.563
Ngày 01 tháng 01 năm 2023			
Phải trả người bán	1.847.402.464	-	1.847.402.464
Chi phí phải trả	1.956.615.907	-	1.956.615.907
Phải trả khác	3.343.808.980	-	3.343.808.980
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	4.838.566.667	4.838.566.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	319.458.353.900	-	319.458.353.900
	326.606.181.251	4.838.566.667	331.444.747.918

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, quyền đòi nợ và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.8, 5.10, 5.11 và 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	294.170.000.000	123.500.000.000	294.170.000.000	123.500.000.000
Cho vay	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	91.764.266.880	97.631.071.128	86.834.157.416	95.216.608.818
Phải thu khác	9.182.072.416	5.125.495.693	9.182.072.416	5.125.495.693
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	728.890.000	576.890.000	728.890.000	576.890.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.964.578.596	31.863.525.260	19.964.578.596	31.863.525.260
Đầu tư dài hạn khác	10.000.000.000	10.000.000.000	9.563.409.032	10.000.000.000
	425.809.807.892	272.696.982.081	420.443.107.460	270.282.519.771
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	2.040.406.758	1.847.402.464	2.040.406.758	1.847.402.464
Chi phí phải trả	1.455.544.690	1.956.615.907	1.455.544.690	1.956.615.907
Phải trả khác	2.991.746.428	3.343.808.980	2.991.746.428	3.343.808.980
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	4.593.566.667	4.838.566.667	4.593.566.667	4.838.566.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	525.697.166.020	319.458.353.900	525.697.166.020	319.458.353.900
	536.778.430.563	331.444.747.918	536.778.430.563	331.444.747.918

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 01 tháng 01 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lương, thưởng, thù lao			
Ban Giám đốc (chưa bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm)			
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Giám đốc	628.670.000	553.389.565
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc	407.670.000	436.340.000
Ông Vũ Hoàng Huynh	Phó Giám đốc	-	175.062.273
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Phó Giám đốc	-	74.353.043
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch HĐQT	542.800.000	540.000.000
Ông Lê Minh Khuê	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Văn Nam	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Vũ Hoàng Huynh	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	120.000.000	86.000.000
Bà Vũ Thị Mai Phương	Trưởng BKS	90.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
		2.257.140.000	2.423.144.881

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Vũ Hoàng Huynh - Thành viên Hội đồng Quản trị	Nhận tiền vay	15.000.000.000	-
	Trả tiền vay	15.000.000.000	-

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Bán hàng hóa	44.099.774	111.684.702
	Lợi nhuận được chia	-	220.000.000
Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên	Bán hàng hóa	1.831.054	-
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Lợi nhuận được chia	595.620.000	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Vĩnh Long	Mua hàng hoá	621.309.091	652.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.2 Thông tin bộ phận

9.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

9.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động Công ty diễn ra trên toàn lãnh thổ Việt Nam, tập trung ở các tỉnh thành miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên như Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước, Đắk Lắk, Gia Lai,...

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày 12 tháng 01 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng và thay đổi sở hữu của 19.854 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành từ bà Nguyễn Thị Lệ Hoa theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 13/2023/HĐ-CNCPCĐĐN ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu

VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2024





CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD
VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI

Số: 1/2024/NQ – ĐHĐCĐ

BẢN DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 16 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐỐT ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai mã số doanh nghiệp 3600661303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06/01/2004, thay đổi lần thứ 20 ngày 30/10/2023;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số: /2024/BB – ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.517
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	190,3
3	Gas chất đốt	Tấn	885
4	Dầu nhớt	Lít	102.582
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	9,28
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	5,45
7	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	3,28

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.349
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	184,9
3	Gas chất đốt	Kg	1.600
4	Dầu nhờn	Lít	180.000
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	25,6
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	20,5
7	Phân phối cổ tức:	Tỷ đồng	0

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban điều hành Công ty.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số của Ban điều hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm)

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2024.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

300
XON
C P
LIQU
ACE
ĐỒ
HỒ

Điều 5: Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm).

5.1. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2023	5.448.434.174
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	5.447.914.074
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước chuyển sang	520.100
II	Trích lập các quỹ năm 2023	272.395.703
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2023 (5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2023)	272.395.703
III	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ năm 2023	5.175.518.371
IV	Cổ tức (*)	
1	Tỷ lệ chi trả cổ tức	2,07% vốn điều lệ
2	Giá trị tối đa	3.280.549.041
3	Hình thức	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
V	Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia dùng để bổ sung nguồn vốn đầu tư (chuyển năm sau)	1.895.489.430

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	20.509.565.965
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2024 (5% lợi nhuận sau thuế năm 2024)	1.025.478.298
III	Phân phối cổ tức:	0

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 7: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 9: Thông qua Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử và Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Đại hội đã bầu được 04 thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 với kết quả như sau:

TT	Họ và Tên	Lượng phiếu bầu	Kết quả
1			
2			

TT	Họ và Tên	Lượng phiếu bầu	Kết quả
3			
4			

Đại hội đã bầu được 03 thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 với kết quả như sau:

TT	Họ và Tên	Lượng phiếu bầu	Kết quả
1			
2			
3			

Điều 10: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/04/2024. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

- Nơi nhận:*
- ĐHCĐ;
 - Các TV HĐQT; BKS;
 - Ban GD;
 - Lưu HĐQT, TC-HC.

**NGUYỄN THANH HOA
CHỦ TỊCH HĐQT**